



Số: 47 /2026/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quy trình tổ chức thẩm định, đánh giá, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mô hình thực hiện của quốc tế về phát triển đô thị thông minh vào thực tiễn của tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ số 115/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 269/2025/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh;

Căn cứ Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 2853/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định về quy trình tổ chức thẩm định, đánh giá, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mô hình thực hiện của quốc tế về phát triển đô thị thông minh vào thực tiễn của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quy trình tổ chức thẩm định, đánh giá, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mô hình thực hiện của quốc tế về phát triển đô thị thông minh vào thực tiễn của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Phúc



QUY ĐỊNH

Về quy trình tổ chức thẩm định, đánh giá, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mô hình thực hiện của quốc tế về phát triển đô thị thông minh vào thực tiễn tỉnh Lâm Đồng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47 /2026/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về quy trình tổ chức thẩm định, đánh giá, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mô hình thực hiện của quốc tế về phát triển đô thị thông minh vào thực tiễn tỉnh Lâm Đồng.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về chuyển giao công nghệ; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số; xây dựng; quy hoạch đô thị; bảo vệ môi trường; bảo vệ dữ liệu cá nhân; an toàn thông tin mạng; an ninh mạng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước trong tổ chức thẩm định, tiếp nhận và triển khai áp dụng các công nghệ, giải pháp, mô hình phát triển đô thị thông minh từ quốc tế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia thực hiện hoạt động chuyển giao, ứng dụng các công nghệ, giải pháp, mô hình phát triển đô thị thông minh từ quốc tế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thẩm định, đánh giá, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ đô thị thông minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Chuyển giao công nghệ mô hình thực hiện của quốc tế về phát triển đô thị thông minh vào thực tiễn của tỉnh Lâm Đồng (gọi tắt là công nghệ chuyển giao) là quá trình nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn và áp dụng các công nghệ, giải pháp kỹ thuật, nền tảng số, mô hình quản lý, quy trình vận hành hoặc hệ thống hạ tầng thông minh đã được triển khai tại các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc đô thị trên thế giới để vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Lâm Đồng nhằm phục vụ công tác quản lý, vận hành và phát triển đô thị theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững và chuyển đổi số.

Điều 4. Nguyên tắc thẩm định, đánh giá và tiếp nhận công nghệ

1. Việc thẩm định, đánh giá và tiếp nhận công nghệ chuyển giao phải bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, định hướng phát triển đô thị thông minh, Chương trình chuyển đổi số của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Ưu tiên xem xét tiếp nhận các công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh, công nghệ số, công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, có khả năng làm chủ, chuyển giao và vận hành ổn định lâu dài tại địa phương.

3. Tuyệt đối không tiếp nhận các công nghệ thuộc danh mục cấm chuyển giao theo quy định của pháp luật; công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều năng lượng, tài nguyên; công nghệ có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, an toàn thông tin, an ninh mạng hoặc ảnh hưởng đến hạ tầng kỹ thuật đô thị; công nghệ, nền tảng, thiết bị, phần mềm có nguy cơ thu thập, lưu trữ, truyền đưa, chia sẻ dữ liệu trái phép; không bảo đảm khả năng kiểm soát của cơ quan nhà nước; phụ thuộc vào nhà cung cấp nước ngoài; hoặc tiềm ẩn nguy cơ lộ, mất dữ liệu, mất an ninh mạng, ảnh hưởng đến hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh. Đối với các công nghệ thuộc danh mục hạn chế chuyển giao, việc tiếp nhận phải tuân thủ nghiêm ngặt trình tự, thủ tục cấp phép theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

4. Quá trình tổ chức thẩm định, đánh giá công nghệ chuyển giao phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, khoa học, đúng thẩm quyền và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ.

6. Việc triển khai công nghệ, giải pháp, mô hình phát triển đô thị thông minh phải bảo đảm quyền được biết, quyền tiếp cận thông tin của người dân theo quy định của pháp luật; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; bảo đảm công khai, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm trong quá trình triển khai các mô hình đô thị thông minh.

Chương II

HỒ SƠ VÀ BIỂU MẪU THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ CHUYỂN GIAO

Điều 5. Thành phần hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ chuyển giao

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định công nghệ chuyển giao được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biểu mẫu phục vụ thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư, đăng ký, cấp phép chuyển giao công nghệ, chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ và báo cáo tình hình thực hiện.

2. Hồ sơ phải phản ánh đầy đủ các nội dung về nguồn gốc công nghệ, giải pháp hoặc mô hình; tính tiên tiến, tính khả thi, hiệu quả kinh tế - xã hội; khả năng

ứng dụng vào điều kiện thực tiễn của tỉnh Lâm Đồng; các điều kiện bảo đảm về an toàn, an ninh mạng, bảo vệ môi trường và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quy định về biểu mẫu áp dụng

1. Việc lập hồ sơ, tổ chức thẩm định, đánh giá và tiếp nhận công nghệ chuyển giao sử dụng các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 09/2026/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định biểu mẫu khác đối với từng nội dung cụ thể thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc sử dụng các biểu mẫu theo quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất, đầy đủ và phù hợp với từng nội dung thẩm định, đánh giá.

Chương III

TRÌNH TỰ THẨM ĐỊNH VÀ TIẾP NHẬN CÔNG NGHỆ

Điều 7. Tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định các công nghệ, giải pháp, mô hình phát triển đô thị thông minh từ quốc tế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện.

4. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành các thủ tục tổ chức đánh giá, thẩm định theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Điều 8. Tổ chức thẩm định và nội dung đánh giá công nghệ

1. Trên cơ sở hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thẩm định, đánh giá công nghệ chuyển giao theo tính chất, quy mô, mức độ phức tạp và yêu cầu chuyên môn của từng trường hợp.

2. Việc thẩm định, đánh giá được thực hiện thông qua một hoặc kết hợp các hình thức sau:

- a) Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định;
- b) Lấy ý kiến chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập;
- c) Lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành.

3. Việc lựa chọn hình thức thẩm định, đánh giá phải bảo đảm khách quan, khoa học, phù hợp với tính chất của công nghệ chuyển giao; đồng thời bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, chuyển giao công

nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

a) Lấy ý kiến bằng văn bản: Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ đến các sở, ban, ngành và địa phương liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

b) Thành lập Hội đồng thẩm định: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập, Hội đồng phải tổ chức họp và ra kết luận thẩm định.

4. Hội đồng thẩm định công nghệ có từ 07 đến 11 thành viên (đảm bảo tổng số thành viên là số lẻ), bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần), Thư ký và các ủy viên. Thành phần bắt buộc phải có đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực công nghệ tương ứng. Hội đồng họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên và thông qua quyết định khi có từ 3/4 số thành viên có mặt đồng ý.

5. Nội dung đánh giá công nghệ: Mức độ tiên tiến, tính phù hợp với thực tế địa phương; khả năng tích hợp hạ tầng số; hiệu quả kinh tế - xã hội; khả năng làm chủ công nghệ; và các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ môi trường.

Điều 9. Trình, phê duyệt kết quả tiếp nhận công nghệ chuyển giao

1. Căn cứ kết quả thẩm định, đánh giá, trường hợp công nghệ, giải pháp, mô hình đáp ứng yêu cầu theo quy định, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, lập Tờ trình và hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc tiếp nhận.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm: Tờ trình của Sở Khoa học và Công nghệ; báo cáo kết quả thẩm định, đánh giá; ý kiến của Hội đồng tư vấn, chuyên gia hoặc cơ quan có liên quan (nếu có) và các tài liệu có liên quan.

3. Trường hợp kết quả xác định công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề xuất tiếp nhận công nghệ; trong đó nêu rõ kết quả thẩm định và lý do không đủ điều kiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục đề xuất sau khi hoàn thiện các nội dung chưa đáp ứng, việc nộp lại hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Kiểm tra, giám sát việc triển khai công nghệ

1. Tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình triển khai các công nghệ, giải pháp, mô hình phát triển đô thị thông minh từ quốc tế.

2. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm việc theo dõi tiến độ triển khai, chất lượng công nghệ, mức độ an toàn của hệ thống; việc tuân thủ các quy định về bảo

vệ môi trường, an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; khả năng bảo đảm kiểm soát của cơ quan nhà nước đối với công nghệ, nền tảng, thiết bị, phần mềm được tiếp nhận; và hiệu quả vận hành thực tế của công nghệ sau khi đưa vào sử dụng.

3. Trường hợp phát hiện vi phạm quy định, công nghệ không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, phát sinh nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn hệ thống, môi trường hoặc hiệu quả hoạt động; hoặc phát hiện nguy cơ mất an ninh mạng, mất an toàn dữ liệu, lộ bí mật nhà nước, lộ thông tin cá nhân hoặc hệ thống bị can thiệp trái phép, cơ quan chủ trì trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét yêu cầu đơn vị triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục; tạm dừng vận hành, cô lập hệ thống hoặc chấm dứt triển khai theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương có trách nhiệm giám sát, tiếp nhận, tổng hợp các phản ánh, kiến nghị của người dân để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định trong quá trình triển khai công nghệ.

Điều 11. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện hoạt động thẩm định, đánh giá, tiếp nhận và triển khai công nghệ đô thị thông minh được bố trí từ ngân sách nhà nước, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

2. Chi thù lao Hội đồng thẩm định công nghệ, chi thù lao chuyên gia tư vấn phục vụ tổ chức đánh giá, thẩm định được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

3. Ưu tiên bố trí nguồn lực, lồng ghép các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và áp dụng tối đa các chính sách hỗ trợ, ưu đãi về đổi mới công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia triển khai đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 101/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và địa phương

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối chủ trì, có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ đề nghị thẩm định, đánh giá và tiếp nhận công nghệ;

b) Chủ trì lấy ý kiến các cơ quan liên quan hoặc tổ chức Hội đồng thẩm định, Tổ chuyên gia đánh giá công nghệ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp theo dõi, kiểm tra, vận hành và đánh giá hiệu quả công nghệ sau triển khai;

d) Thẩm định sự phù hợp của công nghệ với Kiến trúc Chính quyền điện tử, đô thị thông minh và hạ tầng kỹ thuật số của tỉnh;

đ) Đánh giá khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu của công nghệ mới với các cơ sở dữ liệu dùng chung hiện có;

e) Hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị triển khai nền tảng số bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật viễn thông và công nghệ thông tin.

2. Sở Tài chính

a) Thẩm định hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư đối với các dự án ứng dụng công nghệ đô thị thông minh có sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc đối tác công tư (PPP);

b) Sau khi Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Sở Tài chính sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn thực hiện từ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

c) Tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động thẩm định và triển khai công nghệ;

d) Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Sở Xây dựng

a) Chủ trì rà soát, xác định nhu cầu ứng dụng công nghệ phù hợp với quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị của tỉnh;

b) Phối hợp thẩm định các công nghệ liên quan đến hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch, quản lý xây dựng;

c) Hướng dẫn áp dụng công nghệ số, BIM, GIS, CIM trong quy hoạch, xây dựng, quản lý vận hành công trình.

4. Công an tỉnh

a) Thẩm định các nội dung liên quan đến an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và an ninh hạ tầng số;

b) Phối hợp xây dựng cơ chế giám sát, cảnh báo và ứng phó sự cố an ninh mạng.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Thẩm định, đánh giá mức độ tác động môi trường của công nghệ; hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải và sử dụng tài nguyên bền vững trong quá trình triển khai.

6. Sở Công Thương

Thẩm định các nội dung liên quan đến hiệu suất năng lượng, mức độ tiêu hao năng lượng, hạ tầng điện lưới và an toàn điện trong quá trình vận hành công nghệ.

7. Sở Nội vụ

Tham mưu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, tiếp nhận và vận hành đô thị thông minh.

8. Sở Ngoại vụ

Hỗ trợ thủ tục đối ngoại, kết nối chuyên gia, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp nước ngoài trong hoạt động chuyển giao công nghệ.

9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

a) Phối hợp tuyên truyền, vận động người dân tham gia sử dụng các dịch vụ, nền tảng đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh;

b) Tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai các công nghệ, giải pháp và mô hình phát triển đô thị thông minh theo quy định của pháp luật;

c) Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của người dân, tổ chức và doanh nghiệp liên quan đến quá trình triển khai, vận hành công nghệ để phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý;

d) Phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và phát triển đô thị thông minh.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

a) Phối hợp đề xuất nhu cầu ứng dụng công nghệ đô thị thông minh phù hợp với thực tế địa phương;

b) Hỗ trợ cung cấp dữ liệu, mặt bằng hạ tầng để tổ chức triển khai thực tế;

c) Tổ chức tuyên truyền, khuyến khích người dân tham gia sử dụng dịch vụ;

d) Giám sát quá trình vận hành tại địa bàn quản lý, kịp thời báo cáo sự cố hoặc nguy cơ mất an toàn về cơ quan chuyên môn cấp tỉnh.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành./.